

CÔNG TY CP ĐÀO TẠO CUNG ỨNG NGUỒN NHÂN LỰC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VIỆT - NHẬT

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP ĐÀO TẠO CUNG ỨNG NGUỒN NHÂN LỰC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VIỆT - NHẬT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM – JAPAN INTERNATIONAL COOPERATION AND HUMAN RESOURCES SUPPLY TRAINING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400818788

3. Ngày thành lập: 17/07/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 21 Tổ dân phố Thanh Mai, Phường Đa Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0971 853 368

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
2.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
3.	Trồng cây ăn quả	0121
4.	Trồng cây chè	0127
5.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
6.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
7.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
8.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
9.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
13.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
14.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
15.	Chăn nuôi lợn	0145
16.	Chăn nuôi gia cầm	0146
17.	Chăn nuôi khác	0149
18.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
19.	Khai thác gỗ	0221
20.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222

Thời gian đăng từ ngày 17/07/2017 đến ngày 16/08/2017

21.	Khai thác thủy sản biển	0311
22.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
23.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
24.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
25.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
26.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
27.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
28.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
29.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
30.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
31.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
32.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
33.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
34.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
35.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
36.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
37.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
38.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
39.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
40.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
41.	In ấn	1811
42.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
43.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
44.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
45.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
46.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
47.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
48.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
49.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
50.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm kinh doanh thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp)	4669
51.	Bốc xếp hàng hóa (Không bao gồm bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
52.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
53.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
54.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621

55.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính.	6619
56.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
57.	Bán buôn gạo	4631
58.	Bán buôn thực phẩm	4632
59.	Bán buôn đồ uống	4633
60.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
61.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
62.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
63.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
64.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
65.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
66.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
67.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
68.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
69.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
70.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
71.	Tái chế phế liệu	3830
72.	Xây dựng nhà các loại	4100
73.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
74.	Xây dựng công trình công ích	4220
75.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
76.	Phá dỡ	4311
77.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
78.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
79.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
80.	Bán mô tô, xe máy	4541
81.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
82.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (không bao gồm kinh doanh dược phẩm)	4649
83.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm kinh doanh vàng miếng)	4662
84.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
85.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
86.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830(Chính)

87.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
88.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
89.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
90.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
91.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
92.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
93.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
94.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
95.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
96.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
97.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
98.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
99.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
100.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
101.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
102.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
103.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
104.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
105.	Cho thuê xe có động cơ	7710
106.	Điều hành tua du lịch	7912
107.	Bán buôn tổng hợp	4690
108.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
109.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
110.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
111.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ.	6492
112.	Sản xuất đường	1072
113.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
114.	Quảng cáo	7310
115.	Trồng cây lâu năm khác	0129
116.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
117.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
118.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
119.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
120.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

121.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
122.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
123.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
124.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
125.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
126.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học	8560
127.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
128.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
129.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
130.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
131.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
132.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
133.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
134.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
135.	Đại lý du lịch	7911
136.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
137.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
138.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
139.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
140.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
141.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
142.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
143.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

6. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOÀNG TRỌNG HẢI	Thôn Vân Cốc 3, Xã Vân Trung, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.100.000	11.000.000.000	11,000	121482564	
			Tổng số	1.100.000	11.000.000.000	11,000		
2	DƯƠNG THỊ VÂN	Số 01, đường Nguyễn Thị Lưu, Phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	3,000	125123406	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	3,000		
3	DƯƠNG HỒNG TẤN	Số 21, Tổ dân phố Thanh Mai, Phường Đa Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.100.000	51.000.000.000	51,000	121486613	
			Tổng số	5.100.000	51.000.000.000	51,000		
4	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	Khu 16, Xã Vĩnh Lại, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.900.000	29.000.000.000	29,000	132044851	
			Tổng số	2.900.000	29.000.000.000	29,000		
5	HOÀNG TIẾN NGỌC	Số 01, đường Nguyễn Thị Lưu, Phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	6,000	125129260	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	6,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **DUƠNG HỒNG TÂN** Giới tính: **Nam**
 Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc*
 Sinh ngày: **12/07/1978** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
 Số giấy chứng thực cá nhân: **121486613**
 Ngày cấp: **23/07/2016** Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Giang*
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 21, Tổ dân phố Thanh Mai, Phường Đa Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*
 Chỗ ở hiện tại: *Số 21, Tổ dân phố Thanh Mai, Phường Đa Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang